

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA

Số: 29 / TB-VKNQG

V/v mời viết bài tại Hội nghị khoa học quốc tế
Kiểm nghiệm thực phẩm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO SỐ 1
HỘI NGHỊ KHOA HỌC QUỐC TẾ KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM 2026

Kính gửi:

Nhằm tăng cường các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, hợp tác và trao đổi khoa học liên quan đến thực phẩm và kiểm nghiệm thực phẩm, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia tổ chức "**Hội nghị khoa học quốc tế Kiểm nghiệm thực phẩm 2026**" dự kiến từ ngày **22-23/10/2026**. Chủ đề chính của Hội nghị là "*Kiểm soát an toàn thực phẩm thông minh hướng tới hài hòa quốc tế*" các nhóm nội dung sau:

1. Kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên nguy cơ;
2. Dinh dưỡng và ghi nhãn thực phẩm (carbohydrate, chất xơ, vi lượng,...);
3. Chất lượng và an toàn sản phẩm probiotic, prebiotic;
4. Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;
5. Độc tố và chất ô nhiễm trong thực phẩm;
6. Môi nguy vi sinh và tác nhân gây bệnh truyền qua thực phẩm;
7. Giám sát vệ sinh và phòng ngừa ngộ độc thực phẩm;
8. Kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm bảo vệ sức khỏe;
9. Đảm bảo chất lượng phòng thí nghiệm;
10. Các chủ đề khác có liên quan đến an toàn thực phẩm.

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia trân trọng kính mời các nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên... trong nước và quốc tế tham gia viết bài. Bản thảo bài báo có thể sử dụng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Các bài gửi đăng sau khi được phản biện và chấp nhận, sẽ được công bố trên Tạp chí Kiểm nghiệm và An toàn thực phẩm (miễn phí đăng bài).

Xin vui lòng tham khảo hướng dẫn và bài báo mẫu theo Phụ lục kèm theo hoặc trên website của Tạp chí: <https://vjfc.nifc.gov.vn/vn>.

Thời hạn đăng ký gửi bài: **30/4/2026** (theo link <https://nifc.gov.vn/fcc/dang-ky-gui-bai>)

Thời hạn gửi bài toàn văn: **30/6/2026**.

Mọi thông tin về Hội nghị sẽ được cập nhật trên website: <https://nifc.gov.vn/fcc/gioi-thieu-chung-fcc-2026> hoặc vui lòng liên hệ:

ThS. Vũ Thị Thanh An – Trung tâm Đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia

Địa chỉ: 65 Phạm Thận Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

Email: fcc@nifc.gov.vn Điện thoại: (024)32262231 Di động: 0987653162

Xin trân trọng cảm ơn./. v

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c Phó Viện trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KHĐT.



VIỆN TRƯỞNG

Lê Thị Hồng Hảo

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN GỬI BẢN THẢO ĐĂNG BÀI

(Kèm theo Công văn số 29 /TB-VKNQG ngày 16 tháng 04 năm 2026)

Bản thảo được đánh máy bằng font Unicode, kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 10 pt (trừ tiêu đề cỡ chữ 12 pt). Bài viết trên khổ giấy A4; căn lề: trên 2,0 cm, dưới 2,0 cm, trái 2,5 cm, phải 2,0 cm; lùi đầu dòng 1 cm; giãn cách dòng 1,1; giãn cách đoạn phía trên 3 pt, phía dưới 3 pt.

Các thuật ngữ, tên thuốc thử và hóa chất thống nhất theo TCVN 5530:2010. Danh từ tiếng Việt nếu được dịch từ tiếng nước ngoài phải được viết kèm theo từ nguyên gốc. Các chữ viết tắt phải có chú thích, chỉ chú thích lần đầu tiên.

Phạm vi các báo cáo bao gồm các **Bài tổng quan**, **Bài báo nghiên cứu khoa học** và **Bài trao đổi ngắn**.

- **Bài tổng quan**: Bài tổng quan liên quan đến các chủ đề quan tâm trên một lĩnh vực cụ thể, bao gồm cả ý kiến và bàn luận của tác giả. Bài tổng quan bắt đầu với phần Đặt vấn đề, các phần tiếp theo được đánh số liên tiếp và kết thúc bằng phần Kết luận.

- **Bài báo khoa học và bài trao đổi ngắn**: Tác giả phải chịu trách nhiệm về nội dung bài báo chưa được công bố hoặc đang được xem xét để xuất bản ở tạp chí khác. **Bài mẫu** của bài báo khoa học được minh họa kèm theo.

- Tiêu đề: Ngắn gọn, phù hợp với nội dung nghiên cứu;
- Tên đầy đủ của tác giả và liên kết tên tác giả với đơn vị công tác: Thứ tự tên tác giả (nếu có nhiều hơn một) được sắp xếp theo đóng góp của các tác giả cho nghiên cứu. Tác giả liên hệ phải cung cấp số điện thoại di động và địa chỉ email ở cuối trang (được tạo bằng "footnotes" của phần mềm Microsoft Word);
- Tóm tắt: cùng ngôn ngữ với bản thảo, khoảng 200-300 từ;
- Từ khóa: tiêu biểu, ngắn gọn, khoảng 5 từ;
- Nội dung chính: 1. Đặt vấn đề; 2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu; 3. Kết quả và bàn luận; 4. Kết luận. Các tiểu mục được đánh số dạng 2.1, 2.2, ...;
- Hình và Bảng được đánh số theo thứ tự và được sắp xếp vào đúng vị trí được trích dẫn.
- Lời cảm ơn: (nếu có);
- Tài liệu tham khảo được trích dẫn dựa theo kiểu IEEE. Khuyến khích các tác giả tự động hóa việc trích dẫn sử dụng MS Word, hoặc các phần mềm trích dẫn khác như Endnote, Zotero, Mendeley ...;
- Tên bài, tên tác giả, cơ quan công tác, tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Anh (nếu bản thảo bằng tiếng Việt) hoặc ngược lại.

Vui lòng xem hướng dẫn chi tiết về cách gửi bài tại: <https://vjfc.nifc.gov.vn/vn>

BÀI BÁO MẪU

Guidelines for formatting and presentation of scientific research articles

Nguyen Van A^{1*}, Tran Van B², Le Thi C^{1,2}

¹Center A, Institute of B, City/Province, Country

²Department X, University of Y, City/Province, Country

Abstract

The abstract of the manuscript should be presented concisely in one paragraph, stating the research problem, main objectives/content, and results achieved, with an emphasis on the novelty and outstanding achievements. Titles, subtitles (if any), author name(s), links, email addresses should be sorted in this order. The title should be typed in bold letters and size 12 pt. The author's name(s) should be in regular, bold and small letters, align content with the right margin. The author's office name usually consists of two levels and should be in regular, italic and right margin. The link between the author and the agency name is presented in the form of index above, and numbers. The phone and email of the contact author are placed at footnote, with the index*. The manuscript should begin with a brief summary of about 200-300 words in length.

Keywords: *Typical, brief, no more than 5 words.*

*Corresponding author: Nguyen Van A (E-mail: ...)

Doi: (The Journal will assign a doi number for the published article)

Hướng dẫn soạn thảo và trình bày dự thảo bài báo nghiên cứu khoa học

Nguyễn Văn A¹, Trần Văn B², Lê Thị C^{1,2}

¹Trung tâm A, Viện B, Tỉnh/thành phố, Quốc gia

²Khoa X, Trường Y, Tỉnh/thành phố, Quốc gia

Tóm tắt

Tóm tắt của bài báo được trình bày gọn trong 01 đoạn văn, cần nêu được vấn đề nghiên cứu, mục tiêu/nội dung chính, kết quả đạt được, trong đó nhấn mạnh điểm mới, tiêu biểu đạt được. Tiêu đề, phụ đề (nếu có), tên tác giả, liên kết, địa chỉ email sắp xếp theo trật tự này. Tiêu đề bài báo viết thường, đậm, cỡ chữ 12 pt. Tên tác giả nên được viết bằng chữ thường, đậm và cân phải. Tên cơ quan của tác giả thường gồm 2 cấp và nên được viết thường, nghiêng và cân phải. Liên kết giữa tác giả và tên cơ quan được trình bày theo dạng chỉ số trên, dạng số. Điện thoại và email của tác giả liên hệ được đặt ở footnote, với chỉ số *. Bản thảo nên được bắt đầu bằng một bản tóm tắt ngắn gọn khoảng 200-300 từ.

Từ khóa: tiêu biểu, ngắn gọn, khoảng 5 từ.

Note: *In case the author(s) have not got the ability to use Vietnamese, the title and abstract will be translated into Vietnamese by the Editorial Board (with the agreement of the Author(s)).*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bản thảo phải được gõ bằng font Unicode, kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 10 pt. Bài viết được định dạng trên khổ giấy A4 với căn lề như sau: lề trên 2,0 cm, lề dưới 2,0 cm, lề trái 2,5 cm, lề phải 2,0 cm; lùi dòng đầu tiên 1 cm; giãn dòng 1,1; khoảng cách đoạn trước và sau lần lượt là 3 pt. Tiêu đề chính của mỗi chương phải được viết in đậm, cỡ chữ 10 và đánh số thứ tự theo dạng 1., 2., v.v.

Việc trích dẫn tài liệu tham khảo được trình bày dưới dạng số trong ngoặc vuông [1]. Số tài liệu tham khảo phản ánh thứ tự xuất hiện của tài liệu trong bài viết. Danh mục tài liệu tham khảo được trình bày ở cuối bài. Khi trích dẫn từ hai tài liệu trở lên, các số tài liệu phải được phân tách bằng dấu phẩy, ví dụ: [2, 10]. Đối với các tài liệu tham khảo liên tiếp, sử dụng dấu gạch ngang giữa số đầu và số cuối, ví dụ: [2–5].

Phần Giới thiệu (khoảng 1 trang) cần nêu tổng quan về vấn đề nghiên cứu, từ đó nêu được các khoảng trống/các vấn đề cần giải quyết và mục tiêu của nghiên cứu.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng/Nguyên liệu nghiên cứu

Khi bắt đầu một mục mới, tiêu đề mục được viết in đậm, cỡ chữ 10, viết hoa chữ cái đầu tiên, đánh số theo dạng “2.1”, “2.2”,...

Nội dung của từng mục nên được trình bày thành các đoạn văn rõ ràng.

2.2. Hóa chất, chất chuẩn

Tác giả có thể trình bày nội dung các mục tùy theo nội dung cụ thể của bài báo. Tuy nhiên, bài viết cần mô tả đầy đủ các thiết bị, dụng cụ, hóa chất, chất chuẩn, vật liệu chuẩn, mẫu thử nghiệm đã sử dụng (nếu có).

2.3....

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả cần trình bày đầy đủ các phương pháp đã sử dụng trong nghiên cứu nhằm thu được kết quả tại mục 3. Nếu sử dụng nhiều phương pháp, cần chia nhỏ theo các tiểu mục được đánh số như “2.4.1”, “2.4.2”,...

2.4.1. Phương pháp lấy mẫu

Tiêu đề của các tiểu mục mới sử dụng chữ nghiêng, cỡ chữ 10, viết hoa chữ cái đầu tiên, và đánh số theo dạng “2.4.1”, “2.4.2”,...

2.4.2. Phương pháp phân tích

...

2.4.3. Các công thức

Các công thức cần được căn lề cách lề trái 6 ký tự và đánh số liên tục trong ngoặc đơn ở lề phải:

$$\text{Formula} \quad (1)$$

Phông chữ, cỡ chữ của công thức phải giống với phần nội dung chính (10 pt).

2.4.4....

.....

2.4.5. Phương pháp xử lý số liệu

Nếu nghiên cứu sử dụng các kỹ thuật xử lý bằng phương pháp thống kê, tác giả cần nêu rõ các phương pháp đã áp dụng.

3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1. Kết quả

Phần trình bày kết quả nghiên cứu thường bao gồm cả phần thảo luận. Kết quả cần được trình bày dưới dạng bảng, hình hoặc sơ đồ.

3.2. Trình bày số liệu và bảng

Tất cả các hình, số liệu và bảng cần được đặt trực tiếp trong phần nội dung bài viết tại vị trí thích hợp, thay vì để ở phần cuối bài. Tiêu đề bảng được đặt phía trên bảng, căn giữa, in nghiêng và in đậm như ví dụ dưới đây. Các bảng được đánh số theo thứ tự xuất hiện trong bài. Không sử dụng đường kẻ dọc (xem Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả của...

Nội dung	A	B	C	D	E
X	...	...	...	...	...
Y	...	...	...	...	...

Các kết quả cần được nhận xét, đánh giá và thảo luận một cách hợp lý.

3.3. Hình, sơ đồ

Tên của hình và sơ đồ được đặt phía dưới hình hoặc sơ đồ, căn giữa, in nghiêng và in đậm như minh họa dưới đây. Các hình được đánh số theo thứ tự xuất hiện trong bài viết.

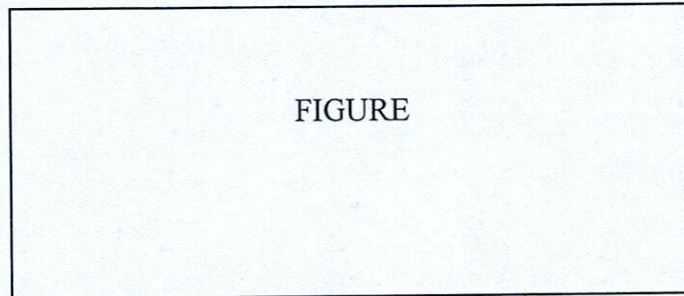


Figure 1. Chromatography of...

3.4. Xác thực phương pháp

3.4.1. Đường chuẩn ...

.....
.....

3.4.2. ...

.....
.....

4. KẾT LUẬN

Tài liệu tham khảo được liệt kê ở cuối bản thảo và theo thứ tự xuất hiện trong bài viết. Tiêu đề "TÀI LIỆU THAM KHẢO" sử dụng cỡ chữ 10, in đậm, giãn dòng đơn với nội dung bên dưới. Cách trích dẫn tài liệu tham khảo tuân theo định dạng IEEE.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi [Tên đơn vị tài trợ], theo mã số đề tài nghiên cứu. Trân trọng cảm ơn các tổ chức, cơ quan và cá nhân đã tham gia hỗ trợ trong quá trình thực hiện nghiên cứu nhưng không đóng vai trò là tác giả (nếu có).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. R. A. Pastorok, S. M. Bartell, S. Ferson, and L. R. Ginzburg, *Ecological modeling in risk assessment: chemical effects on populations, ecosystems, and landscapes*. CRC Press, 2016.
- [2]. Nguyen Thi Minh Huyen, Tran Thi Hoa, Nguyen Thi Ngoc Lan, Tran Thi Hien, "Assessment of *listeria monocytogenes*, *staphylococcus aureus* and *salmonella* spp.

- Contamination in dairy samples collected in Gia Lam and Ba Vi, Hanoi early 2019”, *Vietnamese Journal of Food Control*, vol. 2, no. 4, pp. 22-32, 2019.
- [3]. A. Panusa, M. Orioli, G. Aldini, and M. Carini, “A rapid and sensitive LC-ESI-MS/MS method for detection and quantitation of methylprednisolone and methylprednisolone acetate in rat plasma after intra-articular administration,” *Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis*, vol. 51, no. 3, pp. 691–697, 2010.
- [4]. Tran Cao Son, Le Thi Hong Hao, Thai Nguyen Hung Thu, “Determination of pesticide multi-residues in herbal teas using QuEChERS extraction followed by gas and liquid chromatography tandem mass spectrometry,” *Conference Proceeding - The 4th analytical Vietnam Conference, Ho Chi Minh city, 2015*, Ha Noi: Vietnam Analytical Sciences Society (VASS), 2015, pp. 196-203.
- [5]. Nguyen Thi Giang, “*Quantitative assessment of the food poisoning risk caused by S. aureus in the collective kitchens of some primary schools in Hanoi*”, Doctoral thesis, University of Science, Hanoi National University, 2019 [in Vietnamese].
- [6]. Health Science Authority, “HSA updates on products found overseas that contain potent ingredients (July to August 2019)” [online]: <http://vfa.gov.vn/tin-tuc/thong-tin-canh-bao-tu-singapore-ve-san-pham-thuc-pham-bao-ve-suc-khoe-impactra-co-chua-sildenafil-tadalafil-va-chloropretadalafil.html> [Accessed: 30/3/2021].
- [7]. World Health Organization, “*WHO Human Health Risk Assessment Toolkit: Chemical Hazards*”, WHO, 2010.

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GỬI THÔNG BÁO

(Kèm theo Công văn số 29 /TB-VKNQG ngày 16 tháng 01 năm 2026)

1. Viện Dinh dưỡng
2. Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh
3. Viện Pasteur Nha Trang
4. Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên
5. Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh
6. Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh
7. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương
8. Viện Y học Biển
9. Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương
10. Viện Dược Liệu
11. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường
12. Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương
13. Viện Công nghệ Dược phẩm quốc gia – Đại học Dược Hà Nội
14. Viện Chăn nuôi và thú y
15. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
16. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển
17. Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam
18. Viện Công nghiệp Thực phẩm
19. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc
20. Viện Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm - Trường Đại học Mở Hà Nội
21. Viện công nghệ sinh học – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
22. Viện Hóa học – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
23. Viện Sinh học – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
24. Viện Nghiên cứu hệ Gen – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
25. Viện Hóa học – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
26. Viện Hoá học các hợp chất thiên nhiên – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
27. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
28. Viện Khoa học vật liệu – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
29. Trường Đại học Y Hà Nội
30. Trường Đại học Dược Hà Nội
31. Đại học Y – Dược Thành phố Hồ Chí Minh
32. Trường Đại học Y tế công cộng
33. Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam
34. Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương

35. Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng
36. Trường Cao Đẳng Dược Trung ương Hải Dương
37. Học viện Nông nghiệp Việt Nam
38. Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh
39. Đại học Lâm nghiệp
40. Đại học Nông Lâm Bắc Giang
41. Đại học Công nghiệp Hà Nội
42. Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
43. Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
44. Học viện Khoa học và Công nghệ
45. Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội
46. Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội
47. Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
48. Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội
49. Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội
50. Trường Đại học Việt Nhật – Đại học Quốc gia Hà Nội
51. Trường Hóa, Khoa học sự sống - Đại học Bách khoa Hà Nội
52. Trường Đại học Mở Hà Nội
53. Đại học Phenikaa
54. Trường Đại học Sức khỏe – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
55. Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
56. Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
57. Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên
58. Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên
59. Đại học Cần Thơ
60. Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế
61. Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế
62. Học viện Quân y
63. Học viện Hậu cần
64. Viện Khoa học và công nghệ quân sự
65. Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng - Đại học Y Hà Nội
66. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
67. Trường Đại học Thăng Long
68. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp
69. Sở Y tế tỉnh An Giang
70. Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh
71. Sở Y tế tỉnh Cà Mau
72. Sở Y tế tỉnh Cao Bằng

73. Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk
74. Sở Y tế tỉnh Điện Biên
75. Sở Y tế tỉnh Đồng Nai
76. Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp
77. Sở Y tế tỉnh Gia Lai
78. Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh
79. Sở Y tế tỉnh Hưng Yên
80. Sở Y tế tỉnh Khánh Hoà
81. Sở Y tế tỉnh Lai Châu
82. Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng
83. Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn
84. Sở Y tế tỉnh Lào Cai
85. Sở Y tế tỉnh Nghệ An
86. Sở Y tế tỉnh Ninh Bình
87. Sở Y tế tỉnh Phú Thọ
88. Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi
89. Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh
90. Sở Y tế tỉnh Quảng Trị
91. Sở Y tế tỉnh Sơn La
92. Sở Y tế tỉnh Tây Ninh
93. Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên
94. Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa
95. Sở Y tế Thành phố Cần Thơ
96. Sở Y tế Thành phố Đà Nẵng
97. Sở Y tế Thành phố Hà Nội
98. Sở Y tế Thành phố Hải Phòng
99. Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
100. Sở Y tế Thành phố Huế
101. Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang
102. Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long
103. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Quảng Ninh
104. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội
105. Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh
106. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thanh Hóa
107. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên
108. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Cao Bằng
109. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Lai Châu
110. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Sơn La

111. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Điện Biên
112. Chi cục An toàn thực phẩm Thành phố Đà Nẵng
113. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Ninh Bình.
114. Chi cục An toàn thực phẩm Phú Thọ
115. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Tĩnh
116. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hải Phòng
117. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Khánh Hòa
118. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Trị
119. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Lâm Đồng
120. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Tây Ninh
121. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Cần Thơ
122. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Cà Mau
123. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội
124. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang
125. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh
126. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau
127. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng
128. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk
129. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên
130. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai
131. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp
132. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai
133. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh
134. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên
135. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hoà
136. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu
137. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng
138. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn
139. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai
140. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An
141. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình
142. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ
143. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi
144. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh
145. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị
146. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La
147. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh
148. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

149. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa
150. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Cần Thơ
151. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đà Nẵng
152. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội
153. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng
154. Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
155. Sở Nông nghiệp và Môi trường TP. Huế
156. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang
157. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long
158. Cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường
159. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
160. Cục Chăn nuôi và Thú y
161. Chi cục chăn nuôi, thú y và thủy sản Hà Nội
162. Trung tâm kiểm nghiệm kiểm chứng và dịch vụ chất lượng, Cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường
163. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công
164. Cục Công nghiệp
165. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang
166. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh
167. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau
168. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng
169. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk
170. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên
171. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai
172. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp
173. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai
174. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh
175. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên
176. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa
177. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu
178. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng
179. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn
180. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai
181. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An
182. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình
183. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ
184. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi
185. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh

149. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa
150. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Cần Thơ
151. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đà Nẵng
152. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội
153. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng
154. Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
155. Sở Nông nghiệp và Môi trường TP. Huế
156. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang
157. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long
158. Cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường
159. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
160. Cục Chăn nuôi và Thú y
161. Chi cục chăn nuôi, thú y và thủy sản Hà Nội
162. Trung tâm kiểm nghiệm kiểm chứng và dịch vụ chất lượng, Cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường
163. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công
164. Cục Công nghiệp
165. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang
166. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh
167. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau
168. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng
169. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk
170. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên
171. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai
172. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp
173. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai
174. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh
175. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên
176. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hoà
177. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu
178. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng
179. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn
180. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai
181. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An
182. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình
183. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ
184. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi
185. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh

186. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị
187. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La
188. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh
189. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
190. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa
191. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Cần Thơ
192. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Đà Nẵng
193. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội
194. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hải Phòng
195. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
196. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Huế
197. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang
198. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long
199. Sở Công thương tỉnh An Giang
200. Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh
201. Sở Công thương tỉnh Cà Mau
202. Sở Công thương tỉnh Cao Bằng
203. Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk
204. Sở Công thương tỉnh Điện Biên
205. Sở Công thương tỉnh Đồng Nai
206. Sở Công thương tỉnh Đồng Tháp
207. Sở Công thương tỉnh Gia Lai
208. Sở Công thương tỉnh Hà Tĩnh
209. Sở Công thương tỉnh Hưng Yên
210. Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa
211. Sở Công thương tỉnh Lai Châu
212. Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng
213. Sở Công thương tỉnh Lạng Sơn
214. Sở Công thương tỉnh Lào Cai
215. Sở Công thương tỉnh Nghệ An
216. Sở Công thương tỉnh Ninh Bình
217. Sở Công thương tỉnh Phú Thọ
218. Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi
219. Sở Công thương tỉnh Quảng Ninh
220. Sở Công thương tỉnh Quảng Trị
221. Sở Công thương tỉnh Sơn La
222. Sở Công thương tỉnh Tây Ninh
223. Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên

224. Sở Công thương tỉnh Thanh Hóa
225. Sở Công thương Thành phố Cần Thơ
226. Sở Công thương Thành phố Đà Nẵng
227. Sở Công thương Thành phố Hà Nội
228. Sở Công thương Thành phố Hải Phòng
229. Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
230. Sở Công thương Thành phố Huế
231. Sở Công thương tỉnh Tuyên Quang
232. Sở Công thương tỉnh Vĩnh Long
233. Bộ Tư lệnh cảnh vệ
234. Cục Kiểm định hải quan
235. Chi cục Kiểm định hải quan I
236. Chi cục Kiểm định hải quan II
237. Chi cục Kiểm định hải quan III
238. Chi cục Kiểm định hải quan IV
239. Chi cục Kiểm định hải quan V
240. Chi cục Kiểm định hải quan VI
241. Chi cục Kiểm định hải quan VII
242. Chi cục Kiểm định hải quan VIII
243. Chi cục Kiểm định hải quan IX
244. Chi cục Kiểm định hải quan X
245. Chi cục Kiểm định hải quan XI
246. Chi cục Kiểm định hải quan XII
247. Chi cục Kiểm định hải quan XIII
248. Chi cục Kiểm định hải quan XIV
249. Chi cục Kiểm định hải quan XV
250. Chi cục Kiểm định hải quan XVI
251. Chi cục Kiểm định hải quan XVII
252. Chi cục Kiểm định hải quan XVIII
253. Chi cục Kiểm định hải quan XIX
254. Chi cục Kiểm định hải quan XX
255. Trung tâm Dịch vụ Phân tích thí nghiệm thành phố Hồ Chí Minh
256. Đại diện Công ty TNHH Intertek Việt Nam
257. Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam
258. Đại diện Công ty TNHH Eurofins Sắc ký Hải Đăng
259. Công ty TNHH SGS Việt Nam
260. Công ty TNHH MTV Khoa học Công nghệ Hoàn Vũ